

FLYERS PRACTICE 12

I. Fill in the blank

~~happened~~ **fridge** **cooker** **oven**
slowly **supermarket** **upstairs** **wood**
biscuits **spoon** **speak** **flour**
believe **mixed** **empty** **disappeared**

I want to tell you what (0) **happened** yesterday! I made some (1) _____ for the family. In the morning I went to the (2) _____ with my mum and we bought butter, eggs, sugar, (3)_____ and strawberry jam. When I got home, I turned the (4)_____ on so it got hot and I got a big bowl from the shelf in the kitchen.

Next I (5)_____ the sugar and the soft butter together with a large (6)_____. It wasn't a metal spoon. It was made of (7)_____. I added the eggs very (8)_____ and after that I mixed in the flour. I left the biscuit mix in the (9)_____ for half an hour.

Then I cut the biscuits into star shapes and cooked them in the (10)_____ for about fifteen minutes. I put them on a plate near the cooker to go cold.

I went (11)_____ to get my diary and write about my biscuits. When I went back into the kitchen the plate was (12)

_____ . All those biscuits (13)_____ ! Can you (14)_____ that? I didn't have any. I didn't (15)_____ to anyone all evening!

II. Write





III. Translate (using be going to)

1. Mẹ của tôi **định mua** 1 ít táo vào ngày mai.

→ _____

2. Tôi **định đi bơi** cùng với bạn của tôi vào tuần tới.

→ _____

3. Những người bạn của tôi **định có** 1 bữa tiệc vào tối nay.

→ _____

4. Ba của tôi **không định mua** 1 căn nhà năm này.

→ _____

5. Tôi **không định đi du lịch** với gia đình của mình vào mùa hè này.

→ _____

6. Họ **không định xem phim** ở rạp chiếu phim vào ngày mai

→ _____

IV. Answer these questions



1. *What are you going to wear for the party tonight?*

→ _____



2. *What are you going to do tomorrow?*

→ _____



3. *Where are you going to travel next year?*

→ _____



4. *Why are you going to stay at home tonight?*

→ _____

V. Choose “ be going to” or “will”

1. **Diễn tả 1 lời hứa** _____

2. **Diễn tả 1 việc đã lên kế hoạch, có sự chuẩn bị** _____

3. **Diễn tả 1 quyết định ngay lúc nói** _____

4. **Điễn tả 1 lời dự đoán không có cơ sở** _____

5. **Điễn tả 1 suy luận hợp logic** _____

VI. Write is going to/ am going to/ are going to/ will

1. I bought 2 tickets. I _____ watch a movie at the cinema with my friends tonight.
2. A: Can you help me? It's very heavy.
B: OK! I _____ help you.
3. I guess I _____ come home late tonight.
4. Look at the dark clouds. It _____ rain.
5. I am sorry, I promise I _____ get up early tomorrow.

6. He doesn't go to school on Sunday, so he _____ visit his grandma this weekend.

7. They are wearing sneakers, they _____ play basketball.

8. I think my dad _____ go home at 10pm.

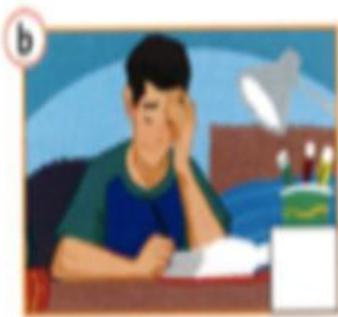
9. A: I don't have a pen.
B: I _____ give you my pen.

10. Do you want to go out with me tonight?
B: I am sorry, I can't because I _____ do my homework.

VII. Listen



1 What's William going to do tomorrow? Listen and number five of the pictures. 



-----THE END-----